

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2024
V/v tranh chấp nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Phước
- Ông Trần Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên

Trong các ngày 22, 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Cẩm T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà Võ Thị T1, sinh năm 1973

Ông Lê Văn A

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Kiều L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà T, bà T1, bà L có mặt, ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2024, và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Cẩm T trình bày: Bà có tham gia hội do bà Võ Thị T1 làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 12/8/2020, gồm 26 chung, bà tham gia 01 chung đóng được 16 kỳ với số tiền 11.030.000 đồng;

Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 09/9/2021, gồm 26 chung, bà tham gia 01 chung đóng được 16 kỳ với số tiền 11.030.000 đồng;

Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 09/9/2021, bà mua chung hội của bà H, bà T1 còn nợ lại số tiền hội 9.000.000 đồng;

Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 20/6/2020, gồm 28 chung, bà tham gia 01 chung đóng được 02 kỳ với số tiền 2.890.000 đồng;

Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 20/10/2022, gồm 25 chung, bà tham gia 01 chung đóng được 01 kỳ với số tiền 1.500.000 đồng;

Dây hội 3.000.000 đồng, mở ngày 06/5/2022, gồm 26 chung, bà tham gia 01 chung đóng được 08 kỳ với số tiền 17.070.000 đồng;

Tổng cộng số tiền hội bà tham gia mà bà T1 còn nợ lại là 52.520.000 đồng. Ngoài ra, bà T1 có nợ tiền vay 10.000.000 đồng. Tổng lại là 62.520.000 đồng. Từ đó đến nay, đối với số tiền hội và tiền vay bà T1 đã trả tiền vay 10.000.000 đồng, tiền hội 10.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 42.520.000 đồng.

Đồng thời, bà có mua 01 chung hội của dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 20/10/2022 của bà Lê Kiều L tại kỳ thứ nhất với số tiền 33.800.000 đồng. Khi giao tiền hội mua thì bà đưa cho bà L nhận tại nhà T1, có mặt bà T1 chứng kiến, bà T1 có đưa giấy cho bà L để viết biên nhận là bà L đã nhận tiền hội hết của bà T1. Đến ngày 09/01/2023, bà T1 tuyên bố vỡ hội nên ngưng khai toàn bộ các dây hội này.

Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu bà T1 và ông Lê Văn A thanh toán số tiền nợ hội tổng cộng là 92.052.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 19.532.000 đồng, chỉ yêu cầu bà T1 và ông Lê Văn A trả số tiền hội là 72.520.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Võ Thị T1 trình bày: Bà thừa nhận bà có làm chủ hội, bà T có tham gia hội và bà còn nợ lại bà T số tiền hội cụ thể như sau:

Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 12/8/2020, gồm 26 chung, bà T tham gia 01 chung đóng được 16 kỳ với số tiền 11.030.000 đồng;

Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 09/9/2021, gồm 26 chung, bà T tham gia 01 chung đóng được 16 kỳ với số tiền 11.030.000 đồng;

Dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 09/9/2021, bà T mua chung hội của bà H, bà còn nợ lại số tiền hội 9.000.000 đồng;

Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 20/6/2020, gồm 28 chung, bà T tham gia 01 chung đóng được 02 kỳ với số tiền 2.890.000 đồng;

Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 20/10/2022, gồm 25 chung, bà T tham gia 01 chung đóng được 01 kỳ với số tiền 1.500.000 đồng;

Dây hội 3.000.000 đồng, mở ngày 06/5/2022, gồm 26 chung, bà T tham gia 01 chung đóng được 08 kỳ với số tiền 17.070.000 đồng;

Ngoài ra, bà có vay của bà T số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng là 62.520.000 đồng, bà đã thanh toán cho bà T được số tiền hội và tiền vay tổng cộng là 20.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 42.520.000 đồng tiền hội. Bà đồng ý một mình thanh toán số tiền hội 42.520.000 đồng cho bà T, ông A không biết việc hội này.

Bà không có ý kiến về việc bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 19.532.000 đồng. Đối với số tiền hội bà T yêu cầu là 30.000.000 đồng thì bà không đồng ý thanh toán vì bà T mua hội của bà L, bà L nợ tiền bà T, bà không có nợ tiền. Vào ngày 22/10/2022, bà T có giao tiền hội cho bà L dây hội 2.000.000 đồng với số tiền 33.800.000 đồng. Sau đó, bà L có đóng lại tiền hội cho bà được 3.000.000 đồng, bà đã đưa lại cho bà T số tiền này. Vì vậy, sau này bà sẽ gom hội, bà L đưa bà lại bao nhiêu thì bà trả lại cho bà T, bà không đồng ý trả số tiền hội 30.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

Bị đơn ông Lê Văn A đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kiều L trình bày: Bà có tham gia hội 2.000.000 đồng, mở ngày 20/10/2022 (âm lịch), gồm 25 chung, bà tham gia 01 chung, tại kỳ thứ nhất do không bỏ hội hết được nên bà nói với bà T1 xem ai có mua hội thì bà bán chung hội của bà nên bà T1 có kêu bà T mua lại chung hội của bà. Sau khi bán hội thì từng kỳ mở hội bà sẽ có trách nhiệm đóng lại 2.000.000 đồng/kỳ. Trong ngày 20/10/2022, bà T giao tiền mua hội cho bà nhận trực tiếp tại nhà bà T1. Khi đó giữa bà và bà T1 có lập giấy giao nhận tiền hội đề ngày

20/10/2022. Cụ thể bà bán chung hụi của bà cho bà T với số tiền 33.800.000 đồng, xem như bà để hụi hốt 550.000 đồng x 24 chung là 34.800.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng còn lại 33.800.000 đồng. Sau đó bà sẽ đóng lại hụi chết đến khi mãn hụi. Tuy nhiên, từ khi hốt hụi thì bà chỉ đóng cho bà T1 được 3.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán thêm khoản tiền nào khác, hiện nay bà còn nợ lại bà T1 và ông A số tiền hụi 30.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà T1 và ông A trả số tiền hụi 30.000.000 đồng thì bà không có ý kiến gì vì bà nợ bà T1 và ông A số tiền 30.000.000 đồng, không có nợ bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn ông Lê Văn A chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Cẩm T đối với bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A về yêu cầu thanh toán số tiền hụi 72.520.000 đồng. Buộc bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Cẩm T số tiền hụi 72.520.000 đồng. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đòi bà T1 và ông A thanh toán số tiền hụi 19.532.000 đồng. Về án phí, bà T1 và ông A phải chịu án phí đối với số tiền phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bà Trần Cẩm T khởi kiện bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A yêu cầu thanh toán tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hụi theo quy định Điều 471 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi khởi kiện bà T1 và ông An cư T2 tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông A là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại đơn khởi kiện, bà Trần Cẩm T yêu cầu bà Võ Thị Thanh thanh T3 số tiền nợ hụi 92.052.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A thanh toán số tiền hụi 19.532.000 đồng. Xét thấy, việc bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà T1 và ông A trả số tiền hụi 19.532.000 đồng.

[2.2] Nguyên đơn bà Trần Cẩm T và bị đơn bà Võ Thị T1 đều thống nhất xác định bà T có tham gia hụi do bà T1 làm chủ hụi, tổng cộng 06 dây hụi với tổng số tiền hụi bà T1 còn nợ lại là 42.520.000 đồng, bà T1 đồng ý thanh toán số tiền hụi 42.520.000 đồng cho bà T. Các dây hụi trên đã vỡ, bà T1 không còn khai hụi nữa. Đối với số tiền hụi bà Trần Cẩm T yêu cầu bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A thanh toán 33.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T, bà T1 và bà L cùng thống nhất xác định vào ngày 20/10/2022, bà T có giao tiền mua hụi trực tiếp cho bà L nhận, tuy nhiên bà T1 là chủ hụi lập giấy giao nhận tiền hụi với bà L để bà T1 gom tiền hụi chết của bà L, còn thực tế chung hụi này bà L chưa hốt hụi, bà L có trách nhiệm đóng hụi cho bà T1 đến khi mãn, khi nào bà T muốn hốt hụi thì bỏ hụi hốt. Tuy nhiên, đến kỳ thứ hai thì bà T1 đã tuyên bố hụi vỡ và không còn khai nữa. Sau đó, bà T1 có gom của bà L được 3.000.000 đồng và trả lại cho bà T. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi bà L bán hụi cho bà T thì bà T1 có mặt chứng kiến, bà T1 cũng đồng ý giao dịch này nên mới thống nhất ký tên vào giấy giao nhận tiền hụi và sau đó gom tiền hụi của bà L giao lại cho bà T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T1 đồng ý khi nào gom tiền hụi của bà L thì bà sẽ giao lại cho bà T. Mặt khác, sau khi hụi vỡ, bà T1 có làm một biên nhận thừa nhận còn nợ lại tiền hụi của dây hụi ngày 20/10/2022 mà bà T mua của bà L. Như vậy, bà T1 đã thừa nhận trách nhiệm của mình với bà T đối với số tiền bà T mua hụi của bà L. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T đòi số tiền hụi 72.520.000 đồng.

[2.4] Bà T cho rằng số tiền hụi mà bà T1 còn nợ là nợ chung của bà T1 và ông A nên yêu cầu bà T1 và ông A cùng có trách nhiệm thanh toán. Tuy nhiên, bà T1 không thừa nhận nợ chung và cho rằng tiền nợ của bà T là nợ riêng của bà T1, không liên quan ông A.

Xét thấy, tiền hui mà bà T1 còn nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A. Bà T1 cũng xác định quá trình chung sống ông A biết bà T1 làm chủ hui. Mặt khác, theo bà T1 xác định, khi mở hui thì tiền hoa hồng phát sinh từ hui bà cũng sử dụng chi xài trong gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định số tiền 72.520.000 đồng là nợ chung của bà T1 và ông A nên cần buộc bà T1 và ông A cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà T.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Ông A và bà T1 phải chịu 5% của số tiền 72.520.000 đồng phải thanh toán cho bà T, cụ thể: 72.520.000 đồng x 5% = 3.626.000 đồng.

Bà T không phải chịu án phí. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.300.000 đồng theo Biên lai số 0006888 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

[4] Từ đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 18 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Cẩm T đối với bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A về yêu cầu thanh toán số tiền hui 72.520.000 đồng. Buộc bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Cẩm T số tiền 72.520.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Cẩm T yêu cầu bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A thanh toán số tiền hui 19.532.000 đồng.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Võ Thị T1 và ông Lê Văn A phải nộp số tiền 3.626.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.300.000 đồng theo Biên lai số 0006888 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Đào